



PEUGEOT 2008 ALLURE

- I. THIẾT KẾ BÊN NGOÀI (*Mặt trước – Mặt bên – Mặt sau – Màu sơn – Kích thước*)
- II. THIẾT KẾ BÊN TRONG (*Không gian phía trước – Phía sau – Khoang hành lý*)
- III. VẬN HÀNH (*Động cơ – Hộp số – Khung gầm*)
- IV. AN TOÀN
- V. THÔNG SỐ KỸ THUẬT

# THIẾT KẾ BÊN NGOÀI

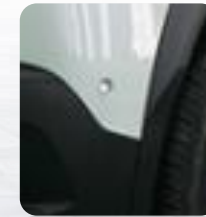
### ALLURE



Đèn trước LED mang đến diện mạo ấn tượng.



Lưới tản nhiệt với các thanh đen đặt ngang có kích thước nhỏ dần khi về trung tâm, nổi bật được logo Peugeot.



Hệ thống 4 cảm biến phía sau

**Cụm ga-lăng và dải đèn chạy ban ngày “nanh sư tử” là nét đặc trưng nhận diện thương hiệu trên Peugeot 2008**



Mâm hợp kim 17"  
phong cách  
Salamanca



Gương chiếu hậu  
chỉnh/gập điện, tích  
hợp báo rẽ



Tay nắm cửa sơn  
đen và mạ chrome  
với cảm biến mở  
khóa



Hông xe nổi bật với nẹp hông sơn bạc  
và các đường gân dập nổi tạo thành 2  
mảng tam giác đối đỉnh.

Với các đường nét uốn chuyển cùng khoảng sáng gầm xe lớn,  
Peugeot 2008 mang đến vẻ ngoài đầy mạnh mẽ và hấp dẫn.



Cụm đèn sau dạng LED 3D mang đặc trưng 3 móng vuốt sư tử của thương hiệu Peugeot.



Dải đèn phía sau nối liền cụm đèn hậu 2 bên



Ống xả kép dạng hình thang

**Thiết kế cốp sau sắc nét là đặc điểm nhận dạng của Peugeot 2008 khi di chuyển vào ban đêm**



**Màu cam**  
Orange Fusion – KLS



**Màu đỏ**  
Sensation Red – M6MY



**Màu xanh**  
Magnetic Blue – EEG



**Màu Đen**  
Nera Black – KTV



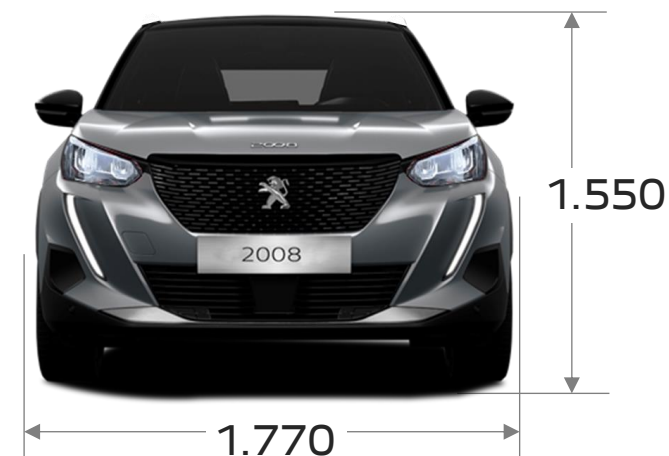
**Màu Xám**  
Platinum Grey – EVL



**Màu Trắng**  
Pearl White – KWE

Mẫu SUV đô thị với khả năng vận hành linh hoạt

Đơn vị: mm



Chiều dài tổng thể: **4,300 mm**

Chiều rộng tổng thể: **1,770 mm**

Chiều dài cơ sở: **2,605 mm**

Khoảng sáng gầm xe: **175 mm**

## THIẾT KẾ BÊN TRONG



Ứng dụng công nghệ hiển thị 3D của Peugeot.  
Các chi tiết nội thất được hoàn thiện tốt và có độ tinh xảo cao.



Đồng hồ kỹ thuật số 3D



Điều khiển điều hòa trên màn hình cảm ứng 7-inch cùng cửa gió điều hòa dạng nằm ngang trẻ trung, điểm xuyết bằng chrome và nhựa đen bóng.

**Không gian lái tiện nghi với ngôn ngữ 3D i-Cockpit® tập trung vào người lái.**

Dễ dàng thao tác, thân thiện với người dùng



Màn hình cảm ứng 7 inch với các phím truy cập nhanh

## ❖ Các phím truy cập nhanh:



**Music:** Điều khiển trình phát nhạc



**Navigation:** Hệ thống dẫn đường



**Air conditioning:** Điều chỉnh hệ thống điều hòa



**Phone:** Truy cập điện thoại



**Applications:** Truy cập các ứng dụng



**Driving:** Thông tin vận hành

Các chi tiết được thiết kế sang trọng và tinh xảo



Vô lăng D-cut tích hợp nút bấm đa tính năng



Ốp nội thất vân carbon thể thao.



Nút điều khiển chức năng mô phỏng phím đàn piano



Khởi động bằng nút bấm tăng tiện lợi cho người sử dụng.

Các chi tiết được hoàn thiện tốt và có độ tinh xảo cao



Khu vực trung tâm với bệ tay, phanh tay điện tử cùng nút bấm chọn chế độ lái



Ghế người lái chỉnh điện



Cụm nút bấm tại khu vực ghế người lái



Trang bị tựa đầu



Trang bị cửa gió



Trang bị hệ thống âm thanh  
06 loa (4 loa trước & 2 loa sau)

## Khoang hành lý rộng rãi và đa dụng



Dung tích khoang hành lý đạt **434 lít**  
khi sử dụng cả 2 hàng ghế.  
Kích thước DxRxH: 790 x 1.010 x 800 mm



Dung tích khoang hành lý  
tăng lên mức **1.467 lít** khi  
gập hàng ghế sau.

VẬN HÀNH



### Giải thưởng

Động cơ Turbo Puretech 3 xy-lanh đã 4 năm liên tiếp từ 2015-2018 đoạt giải thưởng “International Engine of the year” hạng mục động cơ từ 1.0L đến 1.4L.



### LỢI ÍCH ĐỘNG CƠ 3 XY-LANH SO VỚI ĐỘNG CƠ 4 XY-LANH:

- Giảm đáng kể khối lượng động cơ (khối lượng chỉ ở mức 104 kg đã bao gồm khối lượng nhớt và ly hợp).
- Giảm kích thước động cơ, giúp có thêm không gian bố trí chi tiết khác cũng như gia tăng thể tích khoang hành khách/hành lý.
- Giảm hao phí do ma sát nhờ giảm diện tích bề mặt tiếp xúc giữa xéc-măng và xy-lanh.

## Động cơ Turbo PureTech

### VẬN HÀNH MẠNH MẼ

- Mô-men xoắn tối ưu ngay từ vận tốc thấp.  
*The best low speed torque*
- Công suất cực đại đáp ứng nhu cầu thị trường.  
*Maximum power compromise in the market*
- Hệ thống tăng áp turbocharger hiệu suất cao với tốc độ quay lên đến 240,000 vòng/phút.  
*The new-gen high-yield turbocharger with electric waste gate: 240.000 rpm*
- Hệ thống phun nhiên liệu trực tiếp với áp suất phun lên đến 250 bar.  
*High pressure direct injection: 250 bar*

### CÔNG NGHỆ ƯU VIỆT

- Thân động cơ đúc nguyên khối từ hợp kim nhôm kết hợp với thành xy-lanh làm từ vật liệu gang giúp động cơ nhanh chóng đạt đến nhiệt độ vận hành tối ưu.  
*An aluminium cast-iron-lined block for quicker engine warm up*
- Ứng dụng vật liệu ma sát thấp & cải tiến hệ thống tản nhiệt.  
*The use of low friction materials and a revised cooling system maximise efficiency*

230 Nm  
AVAILABLE FROM 1750 rpm/mn

with a high torque of 230 Nm  
starting at 1750 rpm/minute

MAXIMUM POWER FROM  
4000 TO 6500 rpm/mn

and maximum power available  
from 4,000 to 6,500 rpm/minute,



133 hp / 4.000 – 6.000 rpm



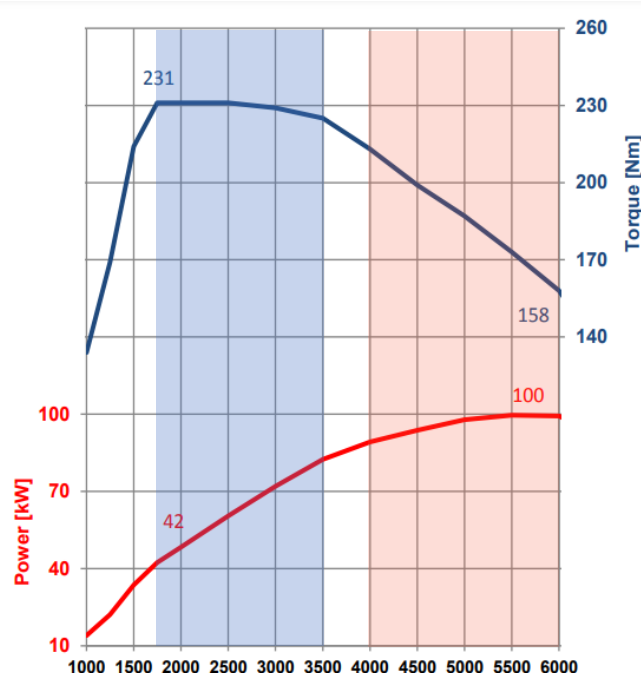
230 Nm / 1.750 – 3.500 rpm



Tự động 6 cấp EAT6



Đô thị: 8,43 L / 100 km  
Ngoài đô thị: 5,85 L / 100 km  
Kết hợp: 6,79 L / 100 km



- Peugeot 2008 được trang bị động cơ Turbo Puretech 1.2L – Là động cơ ứng dụng các công nghệ mới nhất của thương hiệu Peugeot.
- Tiêu thụ nhiên liệu tiết kiệm hơn 4% so với thế hệ trước đó.
- Cải thiện khả năng phản hồi của động cơ nhờ tối ưu hệ thống tăng áp.
- Ngay từ vòng tua máy 1.750 rpm, động cơ đã đạt mô-men xoắn cực đại (230 Nm) và duy trì đến vòng tua 3.500 rpm, giúp xe khởi hành ấn tượng (tăng tốc 0 – 100 km/h trong 10,2 giây).
- Không lâu sau thời điểm mô-men xoắn cực đại (3.500 rpm), động cơ sẽ đạt công suất cực đại (133 hp) tại vòng tua 4.000 rpm và duy trì đến 6.000 rpm giúp xe duy trì khả năng vận hành ấn tượng ở tốc độ cao.
- Động cơ Puretech kết hợp cùng hộp số tự động 6 cấp EAT6 (Efficient Automatic Transmission 6) mang đến hiệu quả vận hành vượt trội cùng khả năng tiết kiệm nhiên liệu hiệu quả.



- Khung gầm CMP được giới thiệu lần đầu vào năm 2019 trên mẫu DS3 Crossback.

*In 2019, the Common Modular Platform (CMP) first launched with the DS3 CROSSBACK.*

- CMP đóng vai trò là nền tảng khung gầm module, đặc biệt về kích thước, cho phép PSA mang đến khách hàng nhiều kiểu dáng thân xe như: đô thị, sedan/wagon và cả các mẫu xe SUV.

*CMP boasts great modularity, particularly in terms of dimensions allowing Groupe PSA to provide customers with a broad range of body styles, from city / urban cars and saloons to SUVs.*



- Mang đến không gian thoải mái & yên tĩnh nhờ các giải pháp cách âm tại các khớp nối cũng như vật liệu cách âm được sử dụng trong khung gầm.

*Acoustic comfort is due to efficient noise insulation solutions on the body (joints, soundproofing).*

- Giảm rung động nhờ kết cấu theo hệ trục & phương thức ứng dụng vật liệu acrylic trong kết cấu sàn xe.

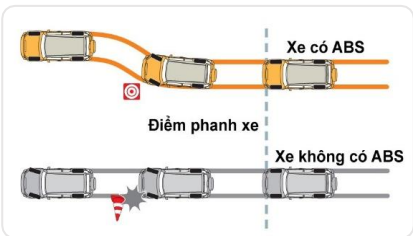
*Reduced vibration is due to the axle architecture and the use of acrylic materials in the floor.*

# AN TOÀN

Chống bó cứng phanh **ABS**  
(Anti-lock Braking System)



- Giúp xe ổn định lái trong quá trình phanh gấp, giúp tăng độ bám mặt đường nhờ vào khả năng chống bó cứng má phanh. Tránh tình trạng bánh xe bị trượt, vô lăng bị mất lái.
- Tình huống ABS hỗ trợ nhiều cho người lái như:
  - Đạp phanh và đánh lái gấp tránh vật cản phía trước.
  - Vào cua quá nhanh và cần giảm tốc độ xe.

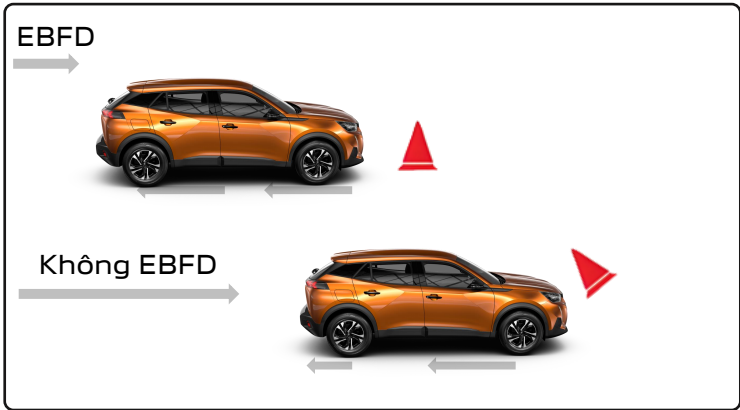


Điểm khác nhau khi có ABS và không có ABS

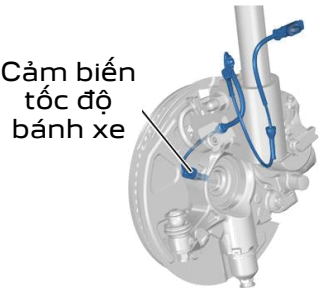


Hiển thị trên màn hình đa thông tin

Phân bố lực phanh điện tử **EBFD**  
(Electronic Brake Force Distribution)



- Dựa trên các tín hiệu của ABS và khả năng xử lý của ECU để nhận biết các tình huống khẩn cấp.
- Phân bố lực phanh lên các bánh xe tùy vào tình huống vận hành thực tế để hạn chế trượt bánh và giảm quãng đường phanh

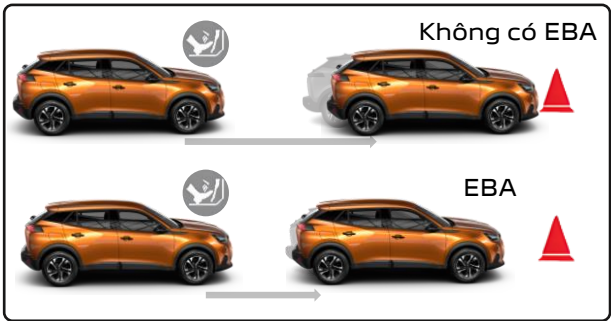


Cảm biến tốc độ bánh xe

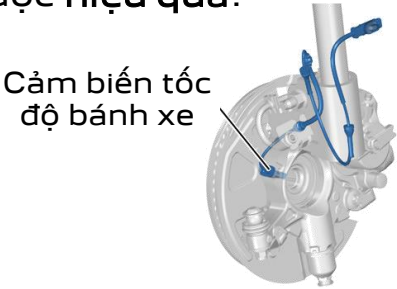


Luôn hiển thị kèm với đèn cảnh báo ABS trên màn hình đa thông tin

Hỗ trợ lực phanh khẩn cấp **EBA**  
(Emergency brake assist)

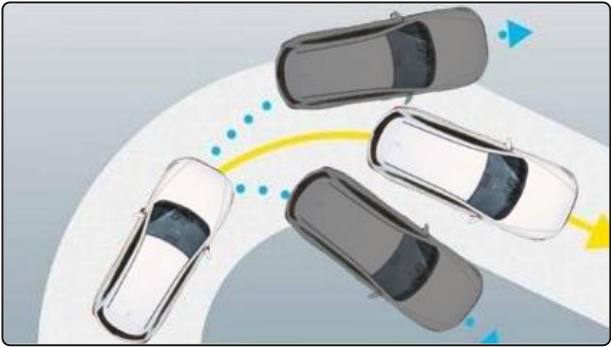


- EBA luôn tích hợp cùng với EBFD và ABS giúp quá trình phanh khẩn cấp được hiệu quả và an toàn hơn.
- Khi đạp phanh các cảm biến phát hiện tín hiệu và hệ thống EBA hoạt động thêm lực phanh để quá trình phanh được hiệu quả.

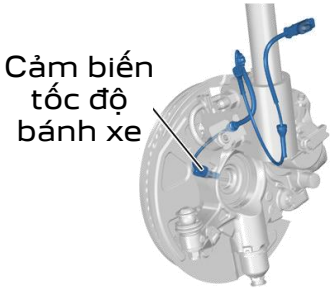


Cảm biến tốc độ bánh xe

Cân bằng điện tử **ESC**  
(Electronic Stability Control)



- Theo dõi tốc độ bánh xe kết hợp cảm biến gia tốc để phát hiện tình huống đưa ra tín hiệu xử lý.
- Giảm công suất hoặc điều khiển lực phanh để đảm bảo xe luôn ở trong trạng thái ổn định.



Cảm biến tốc độ bánh xe



Hiển thị trên màn hình đa thông tin

## Hỗ trợ khởi hành ngang dốc HSA (Hill start assist)

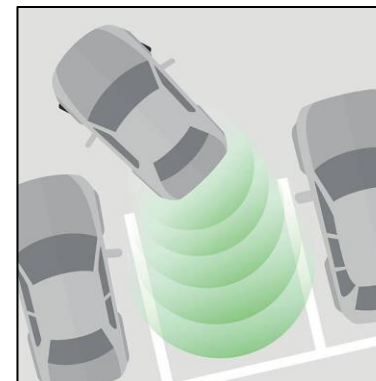


- Khi xe dừng giữa dốc và bắt đầu khởi động lại để di chuyển, HSA được kích hoạt duy trì một lực phanh để hỗ trợ khởi hành.

### Điều kiện hoạt động:

- Xe đang đứng yên và đang đạp phanh.
- Đang dừng trên đường có độ dốc nhất định.
- Hệ thống HSA không bị vô hiệu hóa.

## Cảm biến đỗ xe sau (Rear parking sensors)



- Khi phát hiện vật cản, sẽ phát ra tín hiệu âm thanh, tần số phát ra sẽ tăng lên khi xe tiến gần đến vật cản.

### Điều kiện hoạt động:

- Tín hiệu âm thanh càng nhanh và rõ khi tiến sát gần vật cản.
- Phát hiện có chướng ngại vật ở phía trước khi tốc độ của xe < 10km/h

## Trang bị **04 túi khí** (Airbags)



- Nhằm giảm các bộ phận cơ thể dễ bị tổn thương do va chạm với bề mặt cố định trên xe.
- Khi các cảm biến phát hiện va chạm, các túi khí được tự động kích hoạt nhằm bảo vệ người lái và hành khách tức thời.

## Cảnh báo thắt dây an toàn hàng ghế trước và sau (Front and rear seat belts not fastened warning)



- Đèn cảnh báo thể hiện 05 vị trí ở hàng ghế trước và sau.
- Đảm bảo người lái, hành khách đã thực hiện thắt dây đai an toàn khi xe di chuyển.
- Hệ thống phát hiện và cảnh báo bằng âm thanh, hình ảnh khi dây đai an toàn chưa được gài.

### Điều kiện hoạt động:

- Trường hợp khởi động động cơ: tín hiệu đèn cảnh báo xuất hiện khi người lái hoặc hành khách chưa thắt dây đai an toàn.
- Trường hợp xe vận hành: tốc độ > 20km/h: đèn cảnh báo nhấp nháy và phát ra tín hiệu âm thanh khi dây đai an toàn chưa được thắt.

## Điều khiển hành trình (Cruise control)

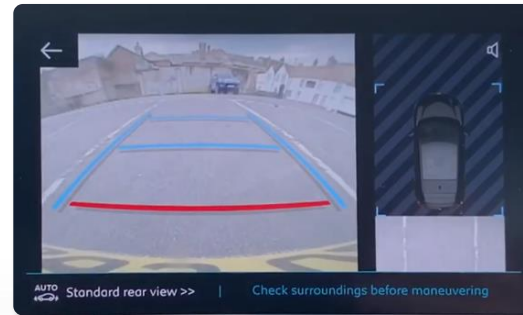
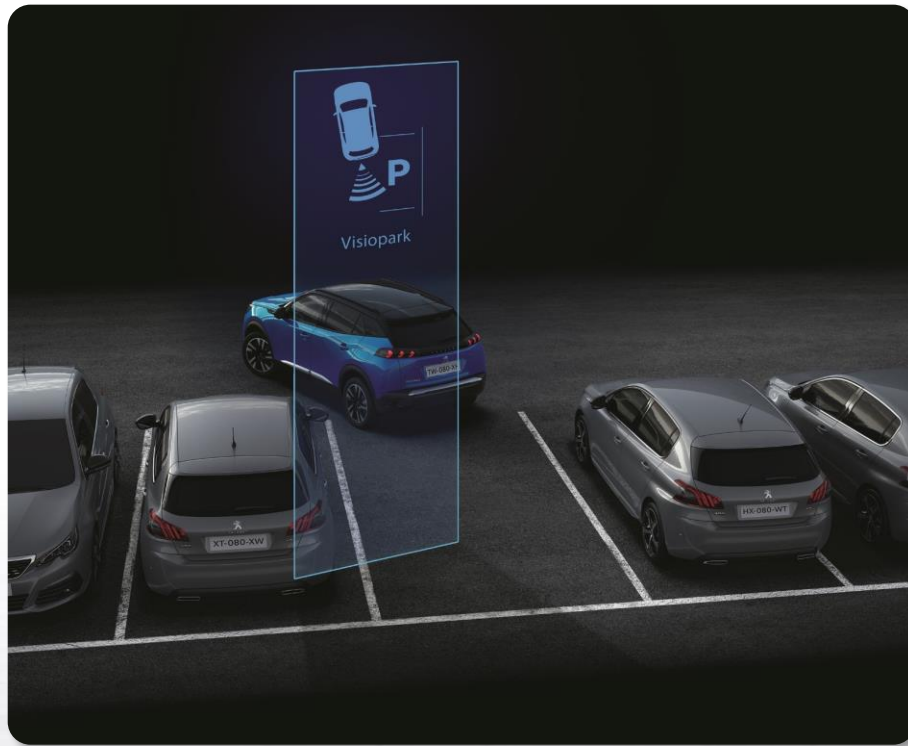


- Hoạt động khi xe di chuyển với tốc độ trên 40 km/h
- Tự động duy trì tốc độ phương tiện theo cài đặt của người lái.
- Khi tăng tốc quá tốc độ đã cài đặt, cảnh báo sẽ hiển thị **nhấp nháy** cho đến khi tốc độ trở lại như tốc độ đã cài đặt.

## Giới hạn tốc độ (Speed limit)



- Tốc độ cài đặt tối thiểu là 30 km/h
- Tự động giới hạn tốc độ phương tiện theo cài đặt của người lái.



### CAMERA LÙI GIẢ LẬP TOÀN CẢNH

- Điều kiện: Khi xe vào số lùi (R).
- Hoạt động:
  - ✓ Khi vào số lùi, màn hình thông tin hiển thị hình ảnh 180 độ phía sau xe.
  - ✓ Xe xe di chuyển về phía sau, hình ảnh sẽ được ghi lại và giả lập về 2 phía hông xe để hiển thị lên màn hình thông tin.

# THÔNG SỐ KỸ THUẬT

| THÔNG SỐ KỸ THUẬT                                               |              | Allure                             |
|-----------------------------------------------------------------|--------------|------------------------------------|
| KÍCH THƯỚC – TRỌNG LƯỢNG                                        |              |                                    |
| Kích thước tổng thể (D x R x C) (mm)                            |              | 4.300 x 1.770 x 1.550              |
| Chiều dài cơ sở (mm)                                            |              | 2.605                              |
| Chiều rộng cơ sở trước/sau (mm)                                 |              | 1.540 / 1.540                      |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                                         |              | 175                                |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)                               |              | 5.400                              |
| Dung tích thùng nhiên liệu (lít)                                |              | 44                                 |
| ĐỘNG CƠ - VẬN HÀNH                                              |              |                                    |
| Loại động cơ                                                    |              | Turbo Puretech                     |
| Dung tích xy lanh                                               |              | 1.199 cc                           |
| Công suất cực đại                                               |              | 133 hp @ 4.000 – 6.000 rpm         |
| Mô men xoắn cực đại                                             |              | 230 Nm @ 1.750 – 3.500 rpm         |
| Hộp số                                                          |              | Tự động 6 cấp                      |
| Dẫn động                                                        |              | Cầu trước                          |
| Tăng tốc 0 – 100 km/h (giây)                                    |              | 10,2                               |
| Drive modes: Eco/Normal/Sport/Manual                            |              | •                                  |
| Số giấy chứng nhận                                              |              | 10115/VAQ18-01/23-01               |
| Tiêu hao nhiên liệu (lít/100 km)                                | Trong đô thị | 8,43                               |
|                                                                 | Ngoài đô thị | 5,85                               |
|                                                                 | Kết hợp      | 6,79                               |
| KHUNG GẦM / CHASSIS                                             |              |                                    |
| Hệ thống treo                                                   | Trước        | Độc lập kiểu McPhersen             |
|                                                                 | Sau          | Thanh xoắn                         |
| Hệ thống phanh                                                  | Trước x Sau  | Đĩa x Đĩa                          |
| Trợ lực lái                                                     |              | Trợ lực điện                       |
| Mâm xe                                                          |              | Mâm hợp kim 17-inch kiểu Salamanca |
| Thông số lốp                                                    |              | 215/60 R17                         |
| NGOẠI THẤT                                                      |              |                                    |
| Cụm đèn trước                                                   |              | LED                                |
| Cụm đèn hậu Full LED 3D dạng móng vuốt sư tử                    |              | •                                  |
| Gương chiếu hậu sơn đen, chỉnh điện, gập điện & tích hợp báo rẽ |              | •                                  |
| Tay nắm cửa sơn đen bóng & viền mạ chrome                       |              | •                                  |

| THÔNG SỐ KỸ THUẬT                        | Allure                                 |
|------------------------------------------|----------------------------------------|
| NỘI THẤT                                 |                                        |
| Đồng hồ kỹ thuật số                      | 10" hiệu ứng 3D                        |
| Màn hình giải trí                        | 7", kết nối Apple CarPlay & MirrorLink |
| Chất liệu ghế                            | Bọc da, chỉ màu cam                    |
| Ghế người lái chỉnh điện                 | •                                      |
| Vô lăng                                  | Bọc da, chỉ màu cam                    |
| Ốp nội thất                              | Vân carbon                             |
| 4 cửa kính chỉnh điện, 1 chạm, chống kẹt | •                                      |
| Điều hòa                                 | 1 vùng                                 |
| Hàng ghế sau gập 60:40                   | •                                      |
| Túi đựng đồ sau ghế trước                | •                                      |
| Hệ thống âm thanh                        | 6 loa                                  |
| Cửa gió hàng ghế sau                     | •                                      |
| AN TOÀN                                  |                                        |
| Số túi khí                               | 4 túi khí                              |
| Hệ thống hỗ trợ phanh ABS + EBD          | •                                      |
| Hệ thống cân bằng điện tử ESC            | •                                      |
| Khởi hành ngang dốc                      | •                                      |
| Cảm biến đỗ xe                           | Phía sau                               |
| Camera lùi 180 độ                        | •                                      |
| Phanh tay điện tử                        | •                                      |
| Ghế ISOFIX tại hàng ghế sau              | •                                      |
| Cảnh báo áp suất lốp gián tiếp           | •                                      |
| Điều khiển hành trình                    | •                                      |
| Giới hạn tốc độ                          | •                                      |



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN